

1

Hh



HAT (n)
/hæt/

Mũ rộng vành

I wear a **hat** on hot days.

2

Hh



HAND (n)
/hænd/

Bàn tay

My **hands** are small.

3

Hh



HIPPO (n)
/hipəʊ/

Con hà mã

Hippos live in the river.

4

Hh



HAPPY (adj)
/hæpi/

Hạnh phúc, vui vẻ

He is very **happy**.

5

Hh



HARBOUR (n)
/həbə[r]/

Bến tàu, cảng

The ships are at the **harbour**.

6

Hh



HOUSE (n)

/haʊs/

Ngôi nhà

My **house** is near my school.

LIVEWORKSHEETS